

Số: 119/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 5936/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021, như sau:

1. Thông qua danh mục 62 dự án thu hồi đất, với diện tích đất cần thu hồi là 423,88 ha.

(Có phụ lục số 1 kèm theo)

2. Thông qua danh mục 17 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021, trong đó: 04 dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, 11 dự án xin chuyển mục đích đất rừng phòng hộ, 02 dự án chuyển mục đích đất rừng đặc dụng; diện tích xin chuyển mục đích

phl

từ đất trồng lúa là 4,95 ha; diện tích đất chuyển mục đích đất rừng phòng hộ 4,23 ha; diện tích đất chuyển mục đích đất rừng đặc dụng 0,5 ha.

(Có phụ lục số 2 kèm theo)

3. Đối với 145 danh mục công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2021: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai năm 2013.

(Có phụ lục số 3 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Công khai danh mục các công trình, dự án trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện, thành phố Gia Nghĩa, trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có dự án để nhân dân theo dõi, giám sát theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT; Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Quang B Krông

plh

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 119 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Dự kiến kinh phí giải phóng mặt bằng (triệu đồng)	Căn cứ pháp lý (Luật đất đai năm 2013)	Nguồn vốn	Ghi chú
	TỔNG TOÀN TỈNH		423,88	403.290			
I	Thành phố Gia Nghĩa		24,21	80.800			
1	Sửa chữa, cải tạo đường Quang Trung (đoạn từ giao với đường 3/2 đến giao với đường Đinh Tiên Hoàng), phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	0,75	4.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn 1038/UBND-TCKH ngày 17/6/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
2	Nâng cấp, mở rộng đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đắc Nur A, phường Nghĩa Đức (đoạn từ giao với đường 23/3 đến giao với đường Lương Thế Vinh)	Phường Nghĩa Đức	0,05	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Quyết định 656/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021
3	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	0,56	3.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Đang thẩm định chủ trương đầu tư
4	Sửa chữa, cải tạo đường Điện Biên Phủ, phường Nghĩa Trung (giai đoạn 1)	Phường Nghĩa Trung	0,70	3.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Công văn số 1889/UBND-TCKH, ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa). Có kế hoạch phân bổ vốn năm 2021

5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung	2,30	13.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND, ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
6	Di dời, tái định cư cho 212 hộ dân ở khu trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	12,50	42.000	Điểm b, Khoản 3 Điều 62	Ngân sách Trung ương và địa phương	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23/4/2020 của HĐND tỉnh
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND&UBND phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách thành phố	Công văn số 2151/UBND-QLDA&PTQĐ ngày 28/11/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa)
8	Di dời nghĩa địa Đồi Su, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	4,00	2.100	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh
9	Giải phóng mặt bằng phần đất dọc đường K2 tiếp giáp với Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,40	2.500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Công văn số 5139/UBND-KTN ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh
10	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	Phường Nghĩa Tân	1,35	4.500	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
11	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắc Nur	Phường Nghĩa Đức	1,20	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
II	Huyện Đắk Mil		217,47	117.330			
1	Dự án ổn định dân di cư tự do tại 03 thôn: Tân Lập, Bắc Sơn, Tân Định, xã Đắc Gằn, huyện Đắk Mil	Xã Đắc Gằn	2,10	3.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của HĐND tỉnh
2	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắc R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia huyện Cư Jút	Xã Đắc R'la	2,00	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh

3	Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu	Thị trấn Đắk Mil	0,50	1.600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ	Thị trấn Đắk Mil	0,50	1.730	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND huyện Đắk Mil
5	Nâng cấp đường Nguyễn Tri Phương và Hai Bà Trưng	Thị trấn Đắk Mil	0,91	2.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND huyện Đắk Mil
6	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An	Xã Đức Minh, Thuận An	3,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
7	Đường liên xã Đắk R'la đi Đắk N'Drot	Xã Đắk R'la, Đắk N'Drot	6,30	10.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
8	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (DT 683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	Xã Thuận An, Đức Minh	4,80	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
9	Trung tâm văn hóa thể thao kết hợp thương mại - dịch vụ và khu dân cư (giai đoạn 1)	Thị trấn Đắk Mil	36,00	20.000	Điểm c, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
10	Nâng cấp đường Cù Chính Lan; hạng mục: Vía hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Thị trấn Đắk Mil	0,22	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
11	Tuyến đường giao thông trung tâm hành chính huyện Đắk Mil và các trục ngang (giai đoạn 1)	Thị trấn Đắk Mil	16,90	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
12	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: nền đường, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng	Thị trấn Đắk Mil, xã Thuận An	3,50	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil

13	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1, huyện Đắk Mil	Thị trấn Đắk Mil, xã Đắk Lao	50,00	10.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
14	Khu trung tâm hành chính huyện	Xã Thuận An	60,00	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
15	Hạ tầng Cụm công nghiệp - TTCN Thuận An (giai đoạn 3), hạng mục: Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng	Xã Thuận An	25,64	20.000	Điểm d, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Đắk Mil
16	Dự án thủy điện Đắk Sôr 5	Xã Đắk Găn	4,10	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn doanh nghiệp	Quyết định số 2104/QĐ-BCT, ngày 07/8/2020 của Bộ Công thương
17	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	Xã Đức Mạnh, Đắk Sắk	0,10	1.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện	Quyết định số 8088/QĐ-EVNPC ngày 18/9/2020 của Tổng công ty điện lực Miền trung
III	Huyện Đắk Song		23,50	8.610			
1	Trường mầm non Vành Khuyên, hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng, Nhà bảo vệ	Xã Đắk Hòa	0,30	800	Điểm a, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
2	Đường giao thông thôn Đắk Tiên đi Năm N'Jang	Xã Năm N'Jang	0,50	150	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Đường giao thông thôn tổ dân phố 4 thị trấn Đức An	TDP4 thị trấn Đức An	1,40	0	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'drung - Thuận Hà	Xã Đắk N'drung, Thuận Hà	1,20	500	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
5	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân, huyện Đắk Song	Xã Năm N'Jang, Đắk N'drung	6,60	1.560	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
6	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình, huyện Đắk Song	Thị trấn Đức An	8,40	5.000	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh

7	Đường giao thông liên xã Đắc Hòa, xã Đắc Mol, huyện Đắc Song	Xã Đắc Mol, Đắc Hòa	5,10	600	Điểm b, Khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
IV	Huyện Krông Nô		49,37	24.200			
1	Trụ sở UBND thị trấn Đắc Mâm	Thị trấn Đắc Mâm	0,30	600	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 84a/NQ-HĐND ngày 03/7/2020 của HĐND huyện Krông Nô
2	Trung tâm xã Đắc Nang	Xã Đắc Nang	3,60	1.100	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND huyện Krông Nô
3	Khuôn viên cây xanh	Xã Đắc Drô	1,70	2.500	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Lấy từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất
4	Thủy điện Đắc Sor 5	Xã Đắc Sôr, Nam Đà	43,77	20.000	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Quyết định số 2104/QĐ-BCT ngày 07/8/2020 của Bộ Công thương
V	Huyện Cư Jút		8,67	9.500			
1	Chợ đầu mối nông sản	Xã Trúc Sơn	1,97	2.000	Điểm c, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh
2	Cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn huyện Cư Jút	Xã Tâm Thắng, Trúc Sơn, thị trấn Ea T'ling	2,00	2.000	Điểm d, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1936/UBND-TCKH ngày 07/7/2020 của UBND huyện Cư Jút
3	Mở đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bản dân tộc Mông thôn Năm Tầng, xã Đắc R'la, huyện Đắc Mil đi xã Cư Knia, huyện Cư Jút	Xã Cư Knia	2,50	2.500	Điểm b, Khoản 3, điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
4	Trường tiểu học và trung học cơ sở chất lượng cao	Thị trấn Ea T'ling và xã Tâm Thắng	2,00	2.000	Điểm a, Khoản 3, điều 62	Ngân sách huyện	Công văn số 1168/UBND-TCKH ngày 27/04/2020 của UBND huyện Cư Jút
5	Mở rộng Chi Cục thuế huyện	Thị trấn Ea T'ling	0,20	1.000	Điểm a, Khoản 3, điều 63	Ngân sách huyện	
VI	Huyện Đăk Glông		10,20	14.000			

plb

1	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hoà đi xã Quảng Sơn	Xã Quảng Hòa	4,50	7.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
2	Mở rộng Phân hiệu Trường mẫu giáo Quảng Hoà	Xã Quảng Hòa	0,60	1.000	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	UBND xã đăng ký tại Công văn số 183/UBND-ĐC ngày 02/10/2020
3	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đăk Ha	Xã Đăk Ha	2,50	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
4	Trụ sở HĐND-UBND xã Đăk Ha	Xã Đăk Ha	1,00	1.000	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
5	Trụ sở HĐND-UBND xã Đăk Som	Xã Đăk Som	0,40	500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
6	Trường THPT Đăk Glong (giai đoạn 3)	Xã Quảng Khê	1,20	1.500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Thông báo số 49/TB-HĐND ngày 28/9/2020 của HĐND tỉnh
VII	Huyện Đăk R'lấp		98,93	148.350			
1	Dự án đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (khu vực bị sạt lở)	Các xã trên địa bàn huyện	1,50	2.250	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh	Giải quyết thu hồi đất các hộ dân nằm trong khu vực sạt lở
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đăk Nông (Tuyến đường vận tải từ năm thứ 4 đến năm thứ 6).	Xã Nghĩa Thắng, Đăk Wer	5,00	7.500	Điểm đ, khoản 3, Điều 62	Vốn Tập đoàn Than Khoáng sản	Tập đoàn Than Khoáng sản đăng ký thực hiện theo kế hoạch
3	Trụ sở HĐND - UBND huyện Đăk R'lấp	Thị trấn Kiến Đức	1,40	2.100	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 và Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh, thị trấn Kiến Đức đi thôn 8, xã Kiến Thành	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành	4,00	6.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện

phh

5	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắc Ngo, huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tín	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	Thị trấn Kiến Đức	2,00	3.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
7	Dự án giám cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đắc Nông	Các xã trên địa bàn huyện	0,20	300	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngành điện lực	Công ty điện lực đăng ký
8	Dự án Điểm dân cư số 3	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành	82,00	123.000	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Đã có quy hoạch chi tiết, dự án nhằm kêu gọi đầu tư
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND - UBND, UBMTTQVN xã Kiến Thành	Xã Kiến Thành	0,83	1.200	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
10	Đường từ Bon Đắc B'lao đi Nông trường Echu Cap, huyện Đắc R'lấp	Xã Kiến Thành, thị trấn Kiến Đức	1,00	1.500	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Ngân sách huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của HĐND huyện
11	Dự án Nhà máy điện gió Đắc N'Drung 1, 2, 3 (Hạng mục: móng trụ đường dây điện)	Xã Đắc Wer, Nhân Cơ	0,50	750	Điểm b, khoản 3, Điều 62	Vốn ngoài ngân sách	Nhà máy điện gió Đắc N'Drung 1, 2, 3 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/9/2020
VIII	Huyện Tuy Đức		0,20	500			
1	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân	0,20	500	Điểm a, khoản 3, Điều 62	Ngân sách tỉnh	Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Đắc Nông

(Ghi chú: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

plh

1
PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 119 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng (ha)	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật đất đai năm 2013)	Ghi chú
I	Huyện Cư Jú					
1	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jú	Thị trấn Ea T'ling	0,25	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
2	Mở rộng Chi cục thuế huyện	Thị trấn Ea T'ling	0,2	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn	2,9	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Cư Knia	Thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn, Cư Knia	1,6	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	Xã Đăk Wil	0,13	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
II	Huyện Đăk Song					
1	Chốt dân quân thường trực xã Thuận Hạnh	Xã Thuận Hạnh	2,04	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
III	Huyện Tuy Đức					
1	Lô cốt 1A-95	Xã Quảng Trực	0,0746	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Công văn số 1000/BCH-TM ngày 29/9/2020 của Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức
			0,0803	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
			0,0271	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
2	Chốt chiến đấu dân quân thường trực	Xã Quảng Trực	0,55	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Khu sơ tán bí mật	Xã Quảng Trực	0,06	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	

ph

4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 04	Xã Đắc Búk So	0,25	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
IV	Huyện Đắc Glong					
1	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoảnh 4, Tiểu khu 1716, xã Đắc Ha	0,25	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 03	Khoảnh 7, Tiểu khu 1697, xã Đắc Ha	0,25	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 4, Tiểu khu 1792, xã Đắc Som	0,25	Đất rừng đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 05 (Trạm Tây Sơn)	Khoảnh 2, Tiểu khu 1757, xã Đắc Som	0,25	Đất rừng đặc dụng	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
5	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 08	Khoảnh 5, Tiểu khu 1657, xã Quảng Sơn	0,04	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 01	Khoảnh 2, Tiểu khu 1752, xã Đắc R'măng	0,25	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	
7	Xây dựng trụ sở làm việc Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02	Khoảnh 1, Tiểu khu 1721, xã Đắc R'măng	0,25	Đất rừng phòng hộ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	

(Ghi chú: diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần thu hồi đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2021**(Kèm theo Nghị quyết số 119 /NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh)**A. CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Dự kiến kinh phí giải phóng mặt bằng (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
	TỔNG TOÀN TỈNH		3.437,56	5.042.298		
I	Thành phố Gia Nghĩa		1.398,54	3.766.268		
1	Dự án Trạm biến áp 110kv Gia Nghĩa và đấu nối	Phường Nghĩa Trung, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, xã Đăk Nĩa	1,00	1.000	Vốn ngành điện	
2	Hội trường các tổ dân phố	Các phường, xã	0,40	800	Ngân sách thành phố	
3	Mở rộng trường THCS Lê Hồng Phong	Phường Nghĩa Thành	0,60	4.100	Ngân sách thành phố	
4	Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	Phường Nghĩa Trung	0,06	100	Ngân sách thành phố	
5	Khu dân cư đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	2,95	1.770	Ngân sách thành phố	
6	Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân, Nghĩa Phú	55,00	72.144	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Hồ Gia Nghĩa (cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2)	Thành phố Gia Nghĩa	63,50	378.000	Trái phiếu Chính phủ	
8	Trường cao đẳng cộng đồng (quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5,00	15.700	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
9	Đường Tô Hiến Thành (nối trung tâm TX Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	Phường Nghĩa Tân	1,00	7.300	Vốn ngân sách tỉnh và ngân sách thành phố	
10	Đường bờ Tây Hồ Trung tâm và khu tái định cư	Phường Nghĩa Thành	17,00	45.300	Ngân sách Trung ương	
11	Đường bờ Đông Hồ Trung tâm	Phường Nghĩa Đức	34,00	43.000	Ngân sách Trung ương	

12	Nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch	Xã Đắc Nĩa	4,00	4.000	Vốn đối ứng trong nước
13	Khu đô thị mới số 01 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	17,74	40.000	Vốn ngoài ngân sách
14	Khu đô thị mới số 2, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	87,62	140.000	Vốn ngoài ngân sách
15	Khu đô thị mới số 6, khu vực Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	25,47	60.000	Vốn ngoài ngân sách
16	Khu đô thị mới tổ 3, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	47,77	90.000	Vốn ngoài ngân sách
17	Khu đô thị mới tổ 5, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	19,08	40.000	Vốn ngoài ngân sách
18	Khu đô thị mới Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	44,68	100.000	Vốn ngoài ngân sách
19	Chợ và khu dân cư Sùng Đức, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	7,10	28.000	Vốn ngoài ngân sách
20	Phân lô TĐC đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	0,08	2.000	Ngân sách tỉnh
21	Khu đô thị mới số 3, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	48,00	100.000	Vốn ngoài ngân sách
22	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Thành phố Gia Nghĩa	55,00	41.500	Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác
23	Trường tiểu học phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	1,00	1.000	Ngân sách thành phố
24	Trường THCS phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2,00	2.000	Ngân sách thành phố
25	Trường mầm non Nghĩa Tín	Phường Quảng Thành	1,00	1.000	Ngân sách thành phố
26	Trường mầm non xã Đắc Nĩa	Xã Đắc Nĩa	1,00	1.000	Ngân sách thành phố
27	Trạm y tế phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,40	2.000	Nguồn vốn tài trợ ADB
28	Nâng cấp cải tạo đường Chu Văn An, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	0,45	12.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
29	Đường vào trường tiểu học phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	0,15	350	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
30	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga	Phường Nghĩa Thành	29,49	40.000	Ngân sách tỉnh, thành phố và vốn ngoài ngân sách
31	Mở rộng Giáo xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,60	2.000	Ngân sách tỉnh
32	Khu đô thị mới bờ đông Hồ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	243,00	480.000	Vốn ngoài ngân sách
33	Công viên văn hóa kết hợp du lịch sinh thái thác Liêng Nũa	Xã Đắc Nĩa	330,00	500.000	Vốn ngoài ngân sách
34	Khu đô thị mới tổ 1, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	1,00	5.000	Vốn ngoài ngân sách
35	Công trình chống quá tải lưới điện khu vực thành phố Gia Nghĩa	Trên địa bàn thành phố	0,30	2.000	Vốn ngành điện
36	Cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố	Phường Nghĩa Trung, Nghĩa Phú, xã Đắc Nĩa	0,20	2.000	Vốn ngành điện

37	Xây dựng hệ thống cửa xả thoát nước tại Km 839+100 (bên phải tuyến) thôn Tân Lập, xã Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng QL 14 đoạn Km817-Km887 theo hình thức BOT	Xã Quảng Thành	0,04	200	Vốn ngoài ngân sách
38	Khu đô thị mới tổ dân phố 6, phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Phú	44,00	100	Vốn ngoài ngân sách
39	Sửa chữa, cải tạo đường vào trường THCS Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường bờ Tây Hồ Trung tâm), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	6.304	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
40	Hoa viên xã Quảng Thành	Phường Quảng Thành	0,04	800	Ngân sách thành phố
41	Khu đô thị mới tổ 4, phường Nghĩa Đức (Khu đô thị mới Center City)	Phường Nghĩa Đức	70,76	177.000	Vốn ngoài ngân sách
42	Khu đô thị mới dọc tuyến nhánh kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Nghĩa Tân, Nghĩa Trung	63,00	160.000	Vốn ngoài ngân sách
43	Sửa chữa nâng cấp đường Ngô Mây (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đoạn tiếp giáp với đường vào khu đất đảo nổi Hồ Gia Nghĩa), phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	0,75	8.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
44	Nâng cấp cải tạo đường vào Nghĩa Trang Nhân dân thành phố Gia Nghĩa	Xã Đăk Nia	0,75	1.500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
45	Hạ tầng khu dân cư và du lịch sinh thái tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Thành	11,00	40.000	Nhà đầu tư ứng tiền
46	Khu đô thị mới tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	6,91	15.000	Vốn ngoài ngân sách
47	Di dời nghĩa địa tổ dân phố 2, phường Nghĩa Phú (bùng bình Hồ Đại La)	Phường Nghĩa Phú	1,60	8.000	Ngân sách thành phố
48	Khu đô thị mới tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	33,00	120.000	Vốn ngoài ngân sách
49	Trường mầm non Tân Lập Thành (mở rộng)	Phường Nghĩa Trung	0,50	1.000	Ngân sách thành phố
50	Chợ phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	5,00	794.000	Vốn ngoài ngân sách
51	Chợ xã Đăk Nia	Xã Đăk Nia	2,00	150.000	Vốn ngoài ngân sách
52	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Phường Quảng Thành	0,10	200	Vốn ngành điện
53	Dự án thủy điện Bảo Lâm	Xã Đăk Nia	4,90	5.000	Vốn ngoài ngân sách
54	Đường từ thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,85	4.800	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác
55	Nâng cấp, mở rộng đường giao với đường N'Trang Long đi khu tái định cư đồi Đăk Nur A, phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Đức	2,25	3.500	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác

ph

56	Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông (mở rộng)	Phường Nghĩa Đức	1,70	5.000	Ngân sách tỉnh
II	Huyện Đắk Mil		68,60	52.400	
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Thị trấn Đắk Mil	2,00	3.000	Ngân sách Trung ương
2	Hồ thủy lợi Đắk Klo Ou	Xã Đắk Lao	16,50	15.000	Ngân sách Trung ương
3	Hồ Đắk Loou	Xã Đắk Lao	1,20	1.000	Ngân sách tỉnh
4	Thủy điện Đắk Sôr 4	Xã Đắk R'l'a, Đắk Găn	34,70	24.000	Vốn ngoài ngân sách
5	Nâng cấp đường Nơ Trang Long	Thị trấn Đắk Mil	1,00	2.000	Ngân sách huyện
6	Bãi rác thải tập trung huyện Đắk Mil	Xã Đắk Lao	12,00	5.000	Ngân sách tỉnh
7	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Huyện Đắk Mil	1,00	2.000	Ngân sách Trung ương
8	Đường liên xã Đắk Lao - Thuận An (Hạng mục: Mương thu gom nước và hạ lưu cống xã)	Xã Đắk Lao	0,20	400	Ngân sách huyện
III	Huyện Đắk Song		259,00	165.330	
1	Đường giao thông tổ dân phố 3, thị trấn Đức An (Phía Nam)	Thị trấn Đức An	0,38	500	Ngân sách huyện
2	Đường giao thông liên xã Nam Bình – Thuận Hạnh	Xã Nam Bình, Thuận Hạnh	0,50	1.000	Ngân sách tỉnh
3	Nhà văn hóa Thuận Hà, huyện Đắk Song	Xã Thuận Hà	0,20	600	Ngân sách huyện
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song	Xã Năm N'Jang	0,14	230	Ngân sách Trung ương (vốn vay WB), ngân sách tỉnh, ngân sách huyện đối ứng 10%
5	Nhà máy điện gió Đắk N'Drung 1	Xã Đắk N'Drung, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,50	40.000	Vốn ngoài ngân sách
6	Nhà máy điện gió Đắk N'Drung 2	Xã Đắk N'Drung, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,80	40.000	
7	Nhà máy điện gió Đắk N'Drung 3	Xã Đắk N'Drung, Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh	64,65	40.000	
8	Nhà máy điện gió Asia Đắk Song 1	Xã Nam Bình	22,70	15.000	
9	Nhà máy điện gió Nam Bình 1	Xã Nam Bình	19,50	13.000	
10	Nhà máy điện gió Đắk Hòa	Xã Đắk Hòa	21,63	15.000	
IV	Huyện Krông Nô		234,98	89.005	
1	Chính trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đắk Mâm	3,00	3.000	Ngân sách huyện

2	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	Xã Nam Xuân	1,50	600	Ngân sách huyện
3	Chợ xã	Xã Nam Xuân	0,50	200	Ngân sách huyện
4	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho các hộ bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên	6,80	4.500	Ngân sách tỉnh
5	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắc Drô	Xã Nam Đà, Đắc Drô	3,60	1.000	Ngân sách tỉnh
6	Cải tạo và phát triển lưới điện trung áp khu vực trung tâm huyện, thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông	Các xã trên địa bàn huyện, thành phố	0,25	300	Vốn ngành điện
7	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán (Dự án Trạm bơm Buôn Choánh 2, 5; Trạm bơm Đắc Rền 1A, 2, 3, 4, 5)	Trên toàn huyện	7,25	4.460	Ngân sách Trung ương
8	Cống, rãnh thoát nước từ Đài Truyền thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Kim Đồng (N4.1)	Thị trấn Đắc Mâm	0,40	300	Ngân sách huyện
9	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km số 281+550 và Km số 281+945 Quốc lộ 28 (đoạn qua địa bàn Năm N'Đir, huyện Krông Nô)	Xã Năm N'Đir	0,19	200	Ngân sách huyện
10	Mở rộng bãi rác	Thị trấn Đắc Mâm	5,00	4.000	Ngân sách huyện
11	Thủy điện Đắc Sôr 4	Xã Nam Xuân	18,00	10.000	Vốn ngoài ngân sách
12	Mở rộng Trạm y tế xã Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	0,04	100	Ngân sách huyện
13	Hồ chứa nước Nam Xuân (hệ thống kênh/đường ống)	Huyện Krông Nô	20,20	23.000	Vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác
14	Kè bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô	Xã Năm N'Đir	6,50	5.000	Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác
15	Ổn định dân di cư tự do xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Xã Quảng Phú	6,00	4.500	Ngân sách Trung ương
16	Công trình cấp nước xã Quảng Phú - Đắc Nang	Xã Đắc Nang	0,20	195	Vốn WB và ngân sách tỉnh
17	Hội trường thôn Đắc Thanh	Xã Nam Xuân	0,15	150	Ngân sách xã và nhân dân đóng góp
18	Hoàn thiện lưới điện trung áp 110 Kv Krông Nô	Thị trấn Đắc Mâm, xã Nam Xuân, Tân Thành	0,10	100	Vốn ngành điện
19	Kè chống sạt lở Đắc Nang	Xã Đắc Nang	1,50	1.000	Ngân sách Trung ương

20	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	Xã Đức Xuyên	148,70	23.000	Vốn ngoài ngân sách	
21	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	2,60	2.200	Ngân sách huyện	
22	Sân vận động xã	Xã Quảng Phú	1,50	200	Ngân sách huyện	
23	Nâng cấp đường Tỉnh lộ 4 (QL 28) đoạn nội thị trấn Đăk Mâm và đoạn nối dài, huyện Krông Nô	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Đà	1,00	1.000	Ngân sách Trung ương	
V	Huyện Cư Jút		371,40	109.700		
1	Đường giao thôn tổ dân phố 7, 8, thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	0,50	425	Ngân sách huyện	
2	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đăk Drông	Xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đăk Drông	3,07	1.995	Ngân sách Trung ương	
3	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk	Xã Ea Pô	10,00	2.000	Ngân sách Trung ương	
4	Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	11,65	14.500	Ngân sách huyện	
5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng xã Trúc Sơn	Xã Trúc Sơn	3,00	2.000	Ngân sách huyện	
6	Đất tôn giáo trên địa bàn huyện	Toàn huyện	3,00	1.000	Ngân sách huyện	
7	Khu nhà ở xã hội tại tổ dân phố 7,8 thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	9,85	7.200	Vốn ngoài ngân sách	
8	Đường bên cạnh trường Nguyễn Tất Thành (mới) đi ngã 3 thôn 5 (Cây xăng Anh Tuấn)	Xã Nam Dong	0,70	595	Ngân sách huyện	
9	Đường từ đường vào UBND xã Nam Dong (mới) đi đến ngã 4 bên cạnh nhà thờ xã Nam Dong	Xã Nam Dong	1,60	1.360	Ngân sách huyện	
10	Đường nội thị trấn Ea T'ling theo quy hoạch đô thị Ea T'ling đến năm 2030	Thị trấn Ea T'ling	7,50	5.850	Ngân sách huyện	
11	Đất xây dựng hạ tầng y tế	Thị trấn Ea T'ling	5,53		Vốn ngoài ngân sách	
12	Khu dân cư tập trung chợ xã Đăk Drông	Xã Đăk Drông	1,50	675	Ngân sách huyện	
13	Mở rộng Nghĩa địa thôn 3 xã Đăk Wil	Xã Đăk Wil	2,00	700	Ngân sách huyện	
14	Trung tâm văn hóa thể thao và công viên thiếu nhi huyện Cư Jút	Thị trấn Ea T'ling	2,00	2.400	Ngân sách huyện	
15	Dự án điện mặt trời thị trấn Ea T'ling	Xã Trúc Sơn, thị trấn Ea T'ling	92,50	28.000	Vốn ngoài ngân sách	
16	Dự án điện mặt trời Cư Knia	Xã Trúc Sơn, Cư Knia, thị trấn Ea T'ling	217,00	41.000	Vốn ngoài ngân sách	
VI	Huyện Đăk Glong		19,19	21.600		
1	Mở rộng Trường tiểu học Nguyễn Trãi	Xã Đăk Ha	0,69	500	Ngân sách huyện	

2	Chợ trung tâm Đắk Nang (xã Đắk Som)	Xã Đắk Som	1,20	700	Ngân sách huyện	
3	Tái định cư xen ghép	Xã Đắk Som	5,00	1.500	Vốn ngành điện	
4	Đường vào Ngân hàng Chính sách huyện	Xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
5	Đường vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
6	Đường vào Chi cục thuế huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	0,10	300	Ngân sách huyện	
7	Các trục đường khu Trung tâm hành chính huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	12,00	18.000	Ngân sách Trung ương	
VII	Huyện Đắk R'lấp		511,58	771.500		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7, năm thứ 8)	Huyện Đắk R'lấp	189,57	285.000	Vốn Tập đoàn Than Khoáng sản	
2	Dự án xây dựng công trình Khoang số 3 hồ bùn đỏ phục vụ duy trì sản xuất nhà máy Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Đạo	10,00	15.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
3	Bãi xử lý rác thải sinh hoạt huyện Đắk R'lấp	Xã Đạo Nghĩa	18,20	27.000	Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	
4	Nhà ở xã hội huyện Đắk R'lấp	Xã Nhân Cơ	10,00	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
5	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngoài ngân sách	
6	Dự án đập hồ thải bùn sau tuyển rửa quặng số 2, phục vụ nhà máy Alumin Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp	200,00	300.000	Vốn Tập đoàn Than Khoáng sản	
7	Dự án đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	7,50	15.000	Vốn ngân sách tỉnh	
8	Dự án Thủy điện Đắk R'Khe	Xã Hưng Bình, Đắk Sin	21,00	31.500	Vốn ngoài ngân sách	
9	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp, trung tâm huyện lỵ, thị xã thuộc tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk R'lấp	0,31	500	Vốn ngân sách huyện	
10	Hạng mục thu hồi xử lý sạt lở và trồng cây xanh, công trình hồ thải bùn đỏ thuộc dự án Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ, Nhân Đạo	2,50	3.750	Vốn Tập đoàn Than Khoáng sản	
11	Dự án đầu tư nâng cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia	Huyện Đắk R'lấp	1,00	1.500	Vốn ngành điện lực	
12	Dự án Trạm biến áp 110 KV Gia Nghĩa và đấu nối	Xã Nhân Cơ	0,50	750	Vốn ngành điện lực	
13	Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2	Xã Nhân Cơ	50,00	75.000	Vốn ngoài ngân sách	
VIII	Huyện Tuy Đức		574,27	155.500		
1	Đường vào xã Đắk Ngo	Xã Quảng Tâm, Đắk Ngo	10,00	7.000	Ngân sách Trung ương	
2	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trực (giai đoạn 2)	Xã Quảng Trực	458,41	31.000	Ngân sách Trung ương	

3	Nâng cấp, mở rộng đường QL 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắc Huýt)	Xã Đắc Buk So, Quảng Trục	101,50	100.000	Vốn đối ứng trong nước	
4	Giải phóng mặt bằng phạm vi thượng hạ lưu công trình thoát nước và các vị trí tụ thủy trên đường Tỉnh lộ 1 đoạn qua huyện Tuy Đức	Xã Quảng Tâm, Đắc R'Tih	0,10	250	Ngân sách huyện	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 1 (Hạng mục: Xây dựng mương thoát nước)	Xã Quảng Tân	1,00	1.500	Ngân sách tỉnh	
6	Đường nối từ Quốc lộ 14C đi Trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Xã Đắc Buk So, Quảng Trục	2,40	15.000	Ngân sách tỉnh	
7	TBA 110kV Tuy Đức và đấu nối	Xã Đắc Buk So	0,66	500	Vốn ngành điện	
8	Đường giao thông thôn 2, xã Đắc Buk So	Xã Đắc Buk So	0,20	250	Ngân sách huyện	

B. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng	Loại đất cần chuyển	Căn cứ pháp lý (Luật đất đai năm 2013)	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút					
1	Khu nhà ở xã hội tổ dân phố 7, 8 thị trấn Ea T'ling	Thị trấn Ea T'ling	9	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
2	Nhà máy sản xuất gạch không nung tại thôn 15, xã Nam Dong	Xã Nam Dong	2,3	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
3	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong khu dân cư thị trấn	Thị trấn Ea T'ling	0,5	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp
II	Huyện Krông Nô					
1	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	1,54	Đất lúa 01 vụ	Điểm b Khoản 1 Điều 58	Chuyển tiếp

phb